

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển

Bà Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08/10/2019 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 741/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 535, ấp TT, xã HT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- Bị đơn: Trần Thị Bích L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 535, ấp TT, xã HT, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Hữu T trình bày:

Vào năm 2004 Nguyễn Hữu T và Trần Thị Bích L được gia đình 02 bên tổ chức đám cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2005 tại UBND xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã, do không tìm được tiếng nói chung nên có đôi lần xảy ra xô xát. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị L. Về con chung, vợ chồng có 01 người con

chung tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 18/8/2005. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh T không yêu cầu giải quyết; về nợ chung anh T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Trần Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Hữu T và Trần Thị Bích L có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2005 tại UBND xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay thường hay cãi vã, do không tìm được tiếng nói chung nên có đôi lần xảy ra xô xát. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn, không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân của anh T và chị L như trên được chứng minh bằng hành động cụ thể là anh T không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt không ý kiến gì. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên nhưng anh T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị L, mâu thuẫn của anh T và chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc anh T yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ.

[2] Về con chung: có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 18/8/2005. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Từ khi vợ chồng xa nhau anh T trực tiếp nuôi con, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, việc giao con cho ai nuôi là xem xét điều kiện để nuôi con, anh T đang trực tiếp nuôi con, chị L không có văn bản ý kiến gì về yêu cầu tiếp tục nuôi con của anh T, nên cần chấp nhận ý kiến của anh T là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: anh T có ý kiến là không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; chị L không có ý kiến gì gửi đến Tòa án về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Trần Thị Bích L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt,

không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Trần Thị Bích L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyễn Hữu T được ly hôn với Trần Thị Bích L.

2. Về con chung: Nguyễn Hữu T được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 18/8/2005, Trần Thị Bích L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nguyễn Hữu T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Trần Thị Bích L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001842, ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (anh T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2019). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Hòa Thành ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Trọng Hiếu